



yì wèi shēn cháng
意味深长

adjective phrase · profound; meaningful

Example Sentences

tā de huà yì wèi shēn cháng
他的话意味深长。

His words are profound.

zhè bù diàn yǐng de jié wěi yì wèi shēn cháng ràng rén sī kǎo hěn jiǔ
这部电影的结尾意味深长，让人思考很久。

The ending of this movie is meaningful,
making people think for a long time.

Trace each character, then write the word on your own.

意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意
意	意	意	意	意						
味	味	味	味	味	味	味	味	味	味	味
深	深	深	深	深	深	深	深	深	深	深
深	深	深								

意味深长